

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 01 - 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kình;

2. Ông Đặng Minh Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 318/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà N T K Y, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 48, Đường ĐH ..., Ấp 2, xã T M, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông V V B, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 24E, Tổ 73, Khu phố ..., phường P C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn và bị đơn quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Số 17, Quyền số 01 ngày 10/09/1990 tại Ủy ban nhân dân xã T T, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé, nay là xã T M, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2000 thì bị đơn bỏ nhà đi không có tin tức cho đến nay. Một mình nguyên đơn nuôi dạy các con chung và tìm kiếm bị đơn trong nhiều năm nhưng không có bất cứ tin tức nào. Nguyên đơn làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích đối với bị đơn tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ngày 01/9/2021, Tòa án đã ban

hành Quyết định số 16/2021/QĐST- DS tuyên bố bị đơn mất tích. Nay nguyên đơn xác định bị đơn đã mất tích nhiều năm không có tin tức. Tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống các bên có 02 con chung. Hiện các con chung đã trưởng thành, khả năng lao động và nhận thức bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông V V B*: Không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án.

* *Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án*:

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham tố tụng nên phải chịu hậu quả khi từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về ly hôn. Bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và có nơi cư trú cuối cùng tại Số 24E, Tổ 73, Khu phố 11, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

[2] *Về sự vắng mặt các đương sự*: Nguyên đơn làm đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 16/2021/QĐST- DS ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì Tòa án đã tuyên ông B mất tích từ tháng 12/2000. Tòa án nhiều lần tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án. Đồng thời bị đơn cũng không gửi bất cứ ý kiến, tài liệu chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cũng như kết quả trình tụng tại phiên tòa để xem xét yêu cầu khởi kiện.

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn và bị đơn quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Số 17, Quyền số 01 ngày 10/09/1990 tại Ủy ban nhân dân xã T T, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 16/2021/QĐST- DS ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì Tòa án đã tuyên ông Bưng mất tích từ tháng 12/2000. Như vậy từ năm 2000 đến nay vợ chồng không còn chung sống, không có bất cứ liên lạc hay tin tức của nhau. Một mình nguyên đơn chăm sóc, nuôi dạy các con chung. Vì vậy có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng các bên không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Quá trình giải quyết nguyên đơn xác định có 02 con chung, các con chung đã trưởng thành khả năng nhận thức và lao động bình thường nên không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn xác định không có và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

[4] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên*: Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N T K Y đối với bị đơn ông V V B về ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N T K Y được ly hôn với ông V V B.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà N T K Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000633 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND xã T M, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Dương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý